

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN
Số: 71/2005/QĐ-BNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2005

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Chăn nuôi

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Điều 19 Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Quyết định số 254/2005/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ Điều chỉnh một số tổ chức trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí chức năng

1. Cục Chăn nuôi được thành lập trên cơ sở tổ chức lại Cục Nông nghiệp theo khoản 1 Điều 1 Quyết định số 254/2005/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2005 của Thủ

tướng Chính phủ Điều chỉnh một số tổ chức trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Cục Chăn nuôi là cơ quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành chăn nuôi trong phạm vi cả nước.

3. Cục có tư cách pháp nhân, được cấp kinh phí hoạt động, được sử dụng con dấu và mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Trụ sở của Cục Chăn nuôi đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Cục Chăn nuôi được Bộ trưởng giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành chăn nuôi thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, như sau:

1. Xây dựng trình Bộ trưởng dự án luật, dự án pháp lệnh và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của Cục.

2. Trình Bộ trưởng chiến lược, quy hoạch, chính sách, kế hoạch hàng năm và dài hạn, chương trình, dự án, đề án, tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế kỹ thuật về chăn nuôi thuộc phạm vi quản lý của Cục theo sự phân công của Bộ trưởng.

3. Ban hành các văn bản về nghiệp vụ quản lý, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc chuyên ngành theo phân cấp của Bộ trưởng.

4. Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án, tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế kỹ thuật đã được phê duyệt và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về chuyên ngành quản lý của Cục.

5. Về giống vật nuôi nông nghiệp:

a) Quản lý nhà nước về giống vật nuôi nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giống vật nuôi phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi cả nước và của từng địa phương;

- c) Tổ chức điều tra, thống kê về sử dụng giống; xây dựng quy trình, quy phạm, kỹ thuật, công nghệ về giống vật nuôi;
- d) Quản lý chất lượng và các hoạt động khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định chất lượng giống vật nuôi; Khảo nghiệm và đề xuất công nhận giống vật nuôi nông nghiệp mới;
- đ) Cấp và thu hồi các loại giấy cho phép, giấy chứng nhận về giống vật nuôi nông nghiệp theo thẩm quyền;
- e) Trình Bộ trưởng ban hành Danh mục về giống vật nuôi nông nghiệp được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam;
- g) Quản lý hệ thống chọn tạo, khảo nghiệm, sản xuất kinh doanh giống vật nuôi nông nghiệp.
- h) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu giống vật nuôi nông nghiệp;
- i) Quản lý xuất khẩu, nhập khẩu giống vật nuôi nông nghiệp;

6. Quản lý chuyên môn kỹ thuật chăn nuôi:

- a) Thống nhất quản lý về kỹ thuật nuôi, nuôi dưỡng chăm sóc vật nuôi; chu chuyển và cơ cấu đàn gia súc gia cầm;
- b) Thống nhất quản lý tiêu chuẩn định mức quy hoạch, chuồng trại; tham gia thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất dùng cho chăn nuôi nông nghiệp;

7. Quản lý thức ăn chăn nuôi:

- a) Thống nhất quản lý chất lượng và sử dụng thức ăn chăn nuôi;
- b) Quản lý việc đăng ký, khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi;
- c) Cấp và thu hồi các loại giấy cho phép, giấy chứng nhận về thức ăn chăn nuôi theo thẩm quyền;
- d) Trình Bộ trưởng ban hành danh mục thức ăn, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi được phép sản xuất kinh doanh ở Việt Nam.
- đ) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thức ăn chăn nuôi;

8. Chỉ đạo sản xuất chăn nuôi: